

Bản án số: **54/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 25/4/2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lữ Quốc Toàn
2. Ông Hồ Phi Công

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Huệ- Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc “ *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Bích Đ**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 8, ấp G, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Trần Thái N**, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 8, ấp G, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2022 bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Trương Thị Bích Đ trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện chị và anh Trần Thái N chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Đây là lần đầu tiên kết hôn của cả hai chúng anh chị. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. NgU nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không tôn trọng lẫn

nhau, anh chị đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2021 đến nay, từ đó vợ chồng không quan tâm nhau mà bỏ mặc nhau, mạnh ai người đó sống. Nay chị Đ thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Phương U, sinh ngày: 22/7/2016. Khi ly hôn chị Đ đồng ý giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: anh chị khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Thái N trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Trương Thị Bích Đ về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Cuộc sống vợ chồng anh chị không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường cãi vã, chị Đ tự ý bỏ nhà đi ở trọ từ ngày 18/10/2021 đến nay dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày trầm trọng, anh đã cố gắng hàn gắn, hòa giải nhưng không thành. Anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2021 đến nay. Từ khi không sống chung, anh chị đã không quan tâm đến nhau, mạnh ai người đó sống, vợ chồng không còn tình cảm nên anh N đồng ý ly hôn với chị Đ.

Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung như chị Đ trình bày. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Phương U, sinh ngày: 22/7/2016 và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay cháu U đang sống với anh, do anh trực tiếp chăm sóc từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau đến nay.

Về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và ngU đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Chị Đ và anh N không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2021, cả hai không còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa, chị Đ yêu cầu ly hôn và anh N đồng ý, như vậy chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đ được ly hôn với anh N. Về con chung: do cháu Trần Phương U đang do anh N nuôi dưỡng nên đề nghị tiếp tục giao con chung cho anh N nuôi dưỡng, anh N không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị Bích Đ, anh Trần Thái N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ, anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trương Thị Bích Đ khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Thái N và yêu cầu nuôi ocon chung, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Trương Thị Bích Đ vẫn giữ ngU yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với anh Trần Thái N. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đ, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Trương Thị Bích Đ, anh Trần Thái N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào 2016 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng lẫn nhau, không còn chia sẻ thông cảm và hòa thuận nhau. Anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2021 đến nay, vì từ khi vợ chồng ly thân đã không còn quan tâm đến nhau mà bỏ mặc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đ yêu cầu được ly hôn, anh N đồng ý. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị Đ và anh N mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Phương U, sinh ngày: 22/7/2016. Khi ly hôn, chị Đ đồng ý giao cháu U cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị về con chung là phù hợp nên giao cháu Trần Phương U cho anh Trần Thái N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Thái N tạm thời không yêu cầu chị Trương Thị Bích Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh chị khai không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Anh chị khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Trương Thị Bích Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[9] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, khoản Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

TU xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trương Thị Bích Đ được ly hôn với anh Trần Thái N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phương U, sinh ngày 22/7/2016 cho anh Trần Thái N trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm thời không yêu cầu chị Trương Thị Bích Đ cấp dưỡng nuôi con do anh Trần Thái N không yêu cầu.

Chị Trương Thị Bích Đ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, chị Trương Thị Bích Đ và anh Trần Thái N được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không có, không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: chị Trương Thị Bích Đ phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0006160 ngày 17/02/2022 được tính trừ vào án phí.

Chị Trương Thị Bích Đ, anh Trần Thái N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ ĐÃ KÝ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bà Nguyễn Thị Hà

Bà Vũ Thị Đượm

Huỳnh Thị Kim Phụng